




**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2025 -2026**


ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON SỐ 4, PHƯỜNG NAM ĐỊNH





STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm tự đánh giá	Kết quả tự đánh giá	Ghi chú
					Minh chứng kết quả	
1	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)	Điều kiện bắt buộc	Điều kiện bắt buộc		<p>- Kế hoạch số 97/KH-MNS4 ngày 29/09/2025; - Quyết định số 96/QĐ-MNS4 ngày 29/09/2025 - QĐ thành lập ban chỉ đạo UDCNTT, chuyển đổi số năm học 2025 - 2026, phân công nhiệm vụ các thành viên; - Các văn bản chỉ đạo, minh chứng việc công khai kế hoạch, việc tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh của đơn vị.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  Kế hoạch + Báo cáo </div> <div style="text-align: center;">  Công văn </div> </div>	
2	Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	60	60	56	<p>Những thông tin chung cho tất cả các chỉ số của tiêu chí này: - Thông tin của ứng dụng: tên ứng dụng; đơn vị cung cấp, hình thức: tự xây dựng/ mua/thuê /cấp trên triển khai...; kinh phí: miễn phí/trả phí (kinh phí cụ thể); đường link ứng dụng: + Phần mềm quản lý Công chức, viên chức https://ccvcninhbinh.vnerp.vn/ với mức phí định mức 5.233.800 đồng/ năm [H2-03]; + Phần mềm Quản lý chữ ký số dịch vụ công 3.146/000 đồng/ năm [H2-07]: Sử dụng phần mềm bảo hiểm xã hội, chữ ký số trong công tác quản lý với mức phí 3.020.000đồng/năm [H2-06]. + Quản lý thông tin y tế trường học: Đã triển khai sử dụng phần mềm Quản lý nhà trường https://vnedu.vn/; + Quản lý sử dụng Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục - xóa mù chữ https://pcgd.moet.gov.vn/; + Quản lý, sử dụng phần mềm kê toán hành chính sự nghiệp https://qltsapp.misa.vn/ để quản lý thông tin tài sản và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản với mức phí là 3.000.000đ/năm.</p>	



					<p>+ Phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp https://mimosapp.misa.vn/deposits mức phí năm đầu 12.000.000 đồng/năm, các năm sau mỗi năm gia hạn 6.000.000đ.</p> <p>+ Quản lý văn bản điện tử trên hệ thống https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/qlvbdh/ với mức phí là 1.500.000 đồng/năm.[H2-07].</p> <p>- Hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật trong đó gồm: hồ sơ thiết kế, hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng và chức năng của ứng dụng; quy định về quyền sở hữu đối với dữ liệu; quy định việc đảm bảo về an ninh, an toàn thông tin;...Các đơn vị hợp đồng là VNVP Nam Định và Tập đoàn Viettel:</p> <p>- Minh chứng việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai ứng dụng: Văn bản/ Quy chế quản lý/ hướng dẫn sử dụng / Hội nghị ... do lãnh đạo đơn vị ban hành, triển khai: H1-01</p>	
2.1	Quản lý thông tin trẻ em		5	5	<p>+ Có triển khai</p> <p>+ Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành</p> <p>+ Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin trẻ em: Công tác điều tra phổ cập, theo dõi sức khỏe, cân đo chắm biểu đồ, đánh giá trẻ theo chương trình của Bộ GD-ĐT</p> <p>Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin trẻ em: https://pcgd.moet.gov.vn, http://mnso4.namding.edu.vn, https://dongbo.csdl.edu.vn/, https://csdl.moet.gov.vn/ . https://vnedu.vn/</p>	
2.2	Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em		5	5	<p>+ Có triển khai</p> <p>+ Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành</p> <p>- Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em: theo dõi sức khỏe, cân đo chắm biểu đồ....</p> <p>Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em: https://dongbo.csdl.edu.vn/, https://csdl.moet.gov.vn/</p>	
2.3	Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên		5	5	<p>+ Có triển khai</p> <p>+ Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành</p> <p>+ Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: https://csdl.moet.gov.vn/; https://dongbo.csdl.edu.vn/; https://vnedu.vn/; https://ccvcninhbinh.vnern.vn/</p>	

2.4	Quản lý thông tin y tế trường học.		5	4	+ Có triển khai + Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế trường học, thực hiện tổng hợp số liệu trên google và Excel . Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin y tế trường học: chưa có phần mềm	
2.5	Quản lý thông tin phổ cập giáo dục.		5	5	+ Có triển khai/Không triển khai + Đáp ứng/Không đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin phổ cập giáo dục. Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin phổ cập giáo dục. https://pcgd.vn/	
2.6	Quản lý thông tin tài sản, tài chính		3	3	+ Có triển khai + Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý thông tin tài sản, tài chính: Hồ sơ quản lý tài sản, Tài chính. Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý thông tin tài sản, tài chính: https://qltsapp.misa.vn/	
2.7	Quản lý văn bản điện tử		3	3	+ Có triển khai + Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng quản lý văn bản điện tử Đường link đơn vị triển khai và đáp ứng các yêu cầu về quản lý văn bản điện tử: https://qlvbdh.ninhbinh.gov.vn/qlvbdh/	
2.8	Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ		7	6	+ Có triển khai: Đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ + Thông báo đến cha mẹ trẻ: Theo tuần Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai UDCNTT tính toán khẩu phần Q20 lượng dinh N21co thực đơn hằng ngày Theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ : Google Trang F20 Excel. Đường link đơn vị triển khai UDCNTT tính toán khẩu phần ăn: chưa ứng dụng trên phần mềm	

2.11	Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.		2.5	2.5	<p>+ Có triển khai + Tần suất sử dụng: Theo tháng + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng thực hiện chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng: Đã thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi của cha mẹ trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua hệ thống nhóm zalo của các nhóm/lớp. Tỷ lệ cha mẹ trẻ tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường còn chưa cao Đường link, mã quét QR hình ảnh, đơn vị triển khai thể hiện chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng</p> 
2.12	Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)		5.5	5.5	<p>+ Có kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với các nội dung triển khai trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục do Sở GDĐT và Bộ GDĐT quản lý đã cho phép kết nối, trao đổi dữ liệu. - Thông tin minh chứng và đường link về kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục: https://csdl.moet.gov.vn/; https://dongbo.csdl.edu.vn/</p>
2.13	Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Điều kiện bắt buộc	Điều kiện bắt buộc	Đạt mức độ. (Đáp ứng mức độ 3)	<p>Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Quyết định số 113/QĐ-MNS4 ngày 15 tháng 10 năm 2025 Hồ sơ, sổ sách hợp, hình ảnh việc tuyên truyền, thông báo tới các thành viên, các chuyên mục công khai [H2-13].</p>

3	Triển khai dịch vụ trực tuyến	12	12	10	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin của dịch vụ như: tên dịch vụ, phần mềm; đơn vị cung cấp, hình thức: tự xây dựng/ mua/ thuê / được cấp trên cấp; kinh phí: miễn phí/cụ thể hình thức trả phí; đường link ứng dụng... - Hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật với các đơn vị cung cấp: hồ sơ thiết kế, chức năng của ứng dụng... - Minh chứng việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai dịch vụ: Văn bản/ Quy chế quản lý/ hướng dẫn sử dụng... do lãnh đạo đơn vị ban hành, triển khai - Minh chứng việc sử dụng: dữ liệu trên hệ thống; hồ sơ, sổ sách, hình ảnh chụp màn hình sử dụng, bài viết... 	
3.1	Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến		4	3	<ul style="list-style-type: none"> + Có triển khai: Đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên + Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai công tác tuyển sinh: Nhà trường đăng tải trên trang web và thông báo tuyển sinh tại khu vực cổng trường và qua hệ thống bảng tuyên truyền của lớp, của nhà trường. <p>Đường link đơn vị triển khai công tác tuyển sinh thông qua trang Web nhà trường: http://mnso4.ninhbinh.edu.vn</p>	
3.2	Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục		4	3	<ul style="list-style-type: none"> + Có triển khai + Có triển khai: Các lớp đa số dùng nhóm zalo để chia sẻ, kết nối, trao đổi và trao đổi trực tiếp hàng ngày qua giờ đón trả trẻ. (Chưa dùng phần mềm kết nối giữa gia đình và nhà trường.) + Tần suất: Theo ngày, Theo tuần <p>Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục: Nhà trường đã thực hiện kết nối qua nhóm zalo của các nhóm/lớp, đảm bảo đầy đủ thông tin thông báo, cha mẹ trẻ có thể xin nghỉ học, phản hồi lại thông tin với giáo viên, giáo viên có thể gửi file đánh giá cho cha mẹ trẻ.</p> <p>Đường link, mã quét QR hình ảnh, đơn vị triển khai thể hiện ứng dụng kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục: Chưa dùng phần mềm kết nối giữa gia đình và nhà trường. https://www.facebook.com/share/1A1.DRfdzV4/ http://mnso4.namdinh.edu.vn</p> <div style="text-align: right;">  <p style="font-size: 8px; margin-top: 5px;">2.10. TƯỜNG TÁC GIỮA GIÁO VIÊN VÀ PHỤ HUYNH</p> </div>	

3.3	Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		4	4	<p>+ Có triển khai: Đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên</p> <p>+ Minh chứng: Nội dung cụ thể mà đơn vị triển khai ứng dụng thực hiện dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt</p> <p>Đường link, mã quét QR hình ảnh, đơn vị triển khai thể hiện ứng dụng thực hiện dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt:</p> <p>https://qltsapp.misa.vn/</p>	
4	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số	20	20	20	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng của đơn vị, của đơn vị cấp trên; - Văn bản/quy chế việc ứng dụng CNTT trong công việc tại đơn vị - Văn bản/danh sách công nhận giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, danh sách giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn trong năm của thủ trưởng đơn vị; - Bảng thống kê về số lượng tỷ lệ tương ứng với danh sách; - Danh sách các ứng dụng, phần mềm, học liệu đã triển khai để hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong đơn vị; - Minh chứng thực tế việc áp dụng các ứng dụng CNTT, khai thác học liệu trong công việc tham gia bồi dưỡng tập huấn: bài viết, hình ảnh, Hồ sơ sổ sách / Kế hoạch bài dạy/ Cuộc thi hội thi... 	
4.1	Tỉ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ		10	10	<p>Số "HD Bản tự đánh giá của trường" GV sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ/tổng số CBQL, GV trong trường, đạt $22/22 = 100\%$.</p> <p>Minh chứng hình ảnh, kế hoạch, kết quả của giáo viên trong việc ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-01]</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">     </div> <p>Hoạt động CS -GD trẻ</p> <p>Kế hoạch GD các độ tuổi</p>	

4.2	Tỉ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số	10	10	<ul style="list-style-type: none"> - Số CBQL, GV hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số/tổng số CBQL, GV trong trường, đạt $22/22=100\%$. - Minh chứng: Đường link đơn vị sử dụng ứng dụng thể hiện số lượng giáo viên có chứng chỉ trên nhận mềm, cài bài giảng tập huấn trực tuyến. [H4-02] 	
5	Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	8	8	<p>Các lớp học có thiết bị tivi, thiết bị phụ trợ khác (loa, USB...) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet. Nhà trường có đường truyền internet ổn định, có hợp đồng với nhà mạng Viettel</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng danh mục trang thiết bị các phòng học, phòng chuyên môn, phòng khác [H5-01] - Thống kê, tổng hợp, tính tỷ lệ các phòng học/Phòng chuyên môn/văn phòng đảm bảo theo yêu cầu. - Tên văn bản, hồ sơ, sổ sách minh chứng việc thực hiện kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý, sử dụng hạ tầng, thiết bị tại đơn vị [H5-02] 	
5.1	Tỉ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet	4	4	<ul style="list-style-type: none"> - Số phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet/ tổng số phòng học trong nhà trường, đạt tỷ lệ $10/10=100\%$ - Minh chứng bằng hình ảnh, kế hoạch, sổ theo dõi tài sản [H5-02] 	
5.2	Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non	4	4	<ul style="list-style-type: none"> - Số máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non/ tổng số máy tính phục vụ công tác văn phòng trong toàn trường, đạt tỷ lệ 100% - Minh chứng bằng hình ảnh, kế hoạch, sổ theo dõi tài sản [H5-02] 	
Tổng điểm		100	100	94	

Kết luận:

- Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CĐS): Đạt Mức độ: Đáp ứng
- Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Tổng điểm: 56 điểm, Đạt mức độ: 3 (Trong đó: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Đạt, Mức độ: Đáp ứng)
- Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến: Tổng điểm: 10. điểm, Đạt mức độ: 3
- Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Tổng điểm: 20 điểm, Đạt mức độ: 3 Đáp ứng
- Tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Tổng điểm: 8 điểm, Đạt mức độ 3

Đánh giá chung các tiêu chí: Tổng điểm: 94 điểm, Đạt mức độ: 3

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Chủ tịch Hội đồng

Trần Thanh Hà

7.5

7.5

4

4

23